



TAN CANG PILOT COMPANY LIMITED

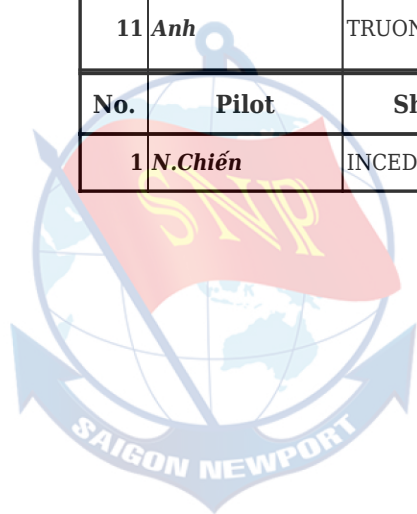
PLANNING TO LEAD THE SHIPS 12/08/2026 (Wednesday)

TIDE TIME

Water Level	Vung Tau	Cat Lai	Flow
0	18:48	22:45	↗
3.4	02:20	05:30	↘
2.5	07:20	11:00	↗
3.5	12:05	15:15	↘
-0.1	19:36	23:30	↗
3.5	02:52	06:00	↘

No.	Pilot	Arriving ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Quang	MONICA	7.95	173	17,801	P/s3 - BNPH	03:00	//0400	A5-01
2	Phú - T.Dũng	PANCON BRIDGE	9.7	172	18,040	P/s3 - CL1	07:30	//1030	A1-A6
3	Duy - Giang	MILD SYMPHONY	8.9	148	9,929	H25 - TCHP	06:00	SR	08-12
4	Tân - Diệu	KMTC OSAKA	8.1	172	17,853	P/s3 - CL7	08:00	//1000	A2-A5
5	Trung	KOTA NAZAR	10.7	180	20,902	P/s3 - CL4	08:30		A1-A6
6	Đ.Toản - N.Trường	MACALLAN 17+GRACIA	5.3	174	4,618	H25 - TCHP	10:00	SR, 2HT	08-12
7	Đ.Minh	INCEDA	9.3	172	19,035	P/s3 - BP6	10:00	Tăng cường dây	AB02-TM
8	Đặng	KMTC PENANG	10.6	200	28,736	P/s3 - CL3	11:00		A2-A5
9	H.Trường	WAN HAI 308	10.2	200	27,311	P/s3 - CL4-5	11:30	//1500	A1-A6
No.	Pilot	Cai Mep ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Đặng - H.Trường	HMM JAKARTA	11.1	304	75,308	CM2 - P/s3	01:30	MT	MR-KS
2	T.Cần - P.Tuấn	SEASPAN OSAKA	10.9	270	46,444	P/s3 - CM4	03:00	MP-VTX	A9-A10
3	N.Cường	BRIGHT SAKURA	10.3	186	29,622	P/s3 - CM2	06:00	MP-VTX	MR-KS
4	Vinh	BIEN DONG NAVIGATOR	7	150	9,503	CM4 - P/s3	09:00		A9-A10
5	M.Tùng - N.Thanh	RUBY TOWER	12.7	300	96,375	CM3 - P/s3	12:30	MT-VTX	MR-KS-AWA
6	Duyệt - Nghị	SEASPAN OSAKA	11	270	46,444	CM4 - P/s3	20:30	MP-VTX	A9A-10
7	N.Hoàng - Chương	WAN HAI A03	11	336	123,104	P/s3 - CM2	19:00	MT	MR-KS-AWA
8	Khái	BRIGHT SAKURA	11.5	186	29,622	CM2 - P/s3	19:00	MP-VTX	MR-KS
9	P.Cần - Thịnh	COSCO SHIPPING JASMINE	11.5	366	143,179	CM4 - P/s3	02:00	MP-VTX	A9-A10-H5
No.	Pilot	Departing ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat

1	K.Toàn - Quyền	INSIGHT	9	172	17,888	BNPH - P/s3	04:00	LT	A2-A5
2	Th.Hùng	GSL AFRICA	10.4	200	27,213	CL4 - P/s3	08:00	LT	A2-A5
3	Đ.Long	AMALFI BAY	9.6	186	29,796	CL3 - P/s3	06:30	LT	A1-A6
4	V.Hoàng	XIN MING ZHOU 106	9	172	18,731	CL1 - P/s3	10:30	LT	A1-A6
5	Tín	MK 68	3	99	2,424	CanGio - H25	06:00	SR	
6	V.Tùng	KMTC INCHEON	9	173	17,933	CL7 - P/s3	10:00	LT	A2-A5
7	B.Long - Lương	SITC SHUNDE	9.3	172	18,820	CL5 - P/s3	14:30	LT	AB2-01
8	M.Hải - N.Hiến	NICOLAI MAERSK	9.3	199	27,733	CL4-5 - P/s3	15:00	LT	A1-A6
9	Đào	MONICA	8.5	173	17,801	BNPH - P/s3	22:00		A5-01
10	Hoàn	BEI DOU	3	57	288	CL2 - H25	04:00	ĐX, SR	
11	Anh	TRUONG AN 03	3.2	111	3,640	CanGio - H25	16:00	ĐX, SR	
No.	Pilot	Shifting ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	N.Chiến	INCEDA	9.3	172	19,035	BP6 - BNPH	22:30		A2-A5



PILOTING TO SUCCESS